

AN ASIAN HARVEST – an autobiography of Paul Hattaway

Mùa Gặt Châu Á – tự truyện của Paul Hattaway

Dành cho rất nhiều Tín Hữu ở Châu Á mà tôi đã có vinh hạnh được phụng sự. Cảm ơn các bạn vì đã bước trên con đường Thập tự và sẵn sàng mạo hiểm cả cuộc đời để mọi người có thể nghe về Jesus Christ. Dù rất nhiều người đã thực chứng những điều kỳ diệu phi thường khi Tinh Thần Thiên Chúa (God) lôi cuốn hàng triệu người vào nước trời, điều tốt nhất vẫn chưa tới!

“Không mắt nào từng thấy, không tai nào từng nghe, và không tâm trí nào có thể tưởng tượng được những điều mà God đã chuẩn bị cho những ai yêu mến Ngài.”

LỜI NÓI ĐẦU

Một Tín hữu được yêu mến từng nói rằng nếu uy quyền, ơn trên và khả năng của Đức Chúa không biểu lộ trong và qua chúng ta, Ngài sẽ có trách nhiệm về việc đó.

Qua nhiều năm tôi thấy được Thiên Chúa đáng kinh ngạc, Đấng Sáng Tạo của trời và đất, đã chọn lựa Paul Hattaway trở thành một bình thông, ống dẫn của Ngài.

Lần đầu tiên tôi gặp Paul vào hai mươi năm trước, khi tôi tới thăm nhà Paul ở Châu Á. Ngay lập tức tôi đã thấy Tình yêu thương, sự chính trực, đức khiêm tốn, và tính cách như trẻ thơ đích thực, kiên quyết đi theo một chương trình duy nhất của Thiên Chúa trong suốt cuộc đời anh.

Nguyện cầu cuốn sách này vinh danh Thiên Chúa và mang tới nguồn khích lệ lớn lao cho những ai thuộc về Ngài.

Bo Barredo, Co-founder, Advancing Native Missions

GIỚI THIỆU

Vài năm trước tôi được yêu cầu chia sẻ lời chứng về bản thân mình trong một buổi gặp gỡ tổ chức tại nhà với khoảng 40 Tín hữu. Vị linh mục bắt đầu buổi ấy bằng việc tặng cho tôi một tràng tràng bốc khiến tôi quẩn quại vì khó chịu. Cảm thấy rằng mình cần mang không khí thực tế trở lại, lời đầu tiên tôi nói là: “Chào buổi tối cả nhà. Tên tôi là Paul, và tôi là đồ cặn bã.”

Những nụ cười căng thẳng và lo lắng tràn ngập trong phòng. Vị linh mục tỏ ra lo ngại, có lẽ ông cho rằng tuyên bố mở đầu của tôi là một kiểu kỹ thuật diễn thuyết mới hoặc là thuật nghịch đảo tâm lý (reverse psychology), nhưng ai nấy nhanh chóng nhận ra là tôi hoàn toàn nói thật. Sau hơn 25 năm phục vụ Jesus Christ trên nhiều nước, tôi không ngại nhìn nhận cuộc đời tôi giống như Sứ Đồ Paul đã viết: “Chúng ta đã trở thành cặn bã của trần gian, rác rưởi của thế giới.” (1 Cô-rin-tô 4:13)

Dù biết rằng tôi hoàn toàn chẳng có gì để khoe khoang khoeác lác về chính mình, có một thành tố khác trong câu chuyện mà tôi muốn chia sẻ. Một phép màu lớn lao xảy ra trong cuộc đời tôi khi tôi vẫn còn trong độ tuổi thiếu niên. Hoàn toàn bất ngờ, tôi gặp một người đã thay đổi hoàn toàn cuộc đời tôi từ trong ra ngoài, cho đời tôi một ý thức mãnh liệt về ý nghĩa và đường hướng. Tên ngài là Jesus Christ.

Khoảng 15 năm trước, những người bạn đã từng biết câu chuyện của tôi khích lệ tôi viết một cuốn sách để có thể truyền cảm hứng tới mọi người. Tôi ngập ngừng do dự bởi công việc mạo hiểm đòi hỏi tôi phải ít công khai về mình. Nhiều năm liền tôi bỏ qua một bên mọi suy nghĩ viết tự truyện về mình và chỉ tập trung vào việc quan trọng khác.

Năm 2013, đã 25 năm kể từ lần đầu tiên tôi bước vào phụng sự các tín hữu, nhiều người muốn biết tổ chức Asian Harvest đã được thành lập như thế nào và hỏi chúng tôi những nguyên tắc thúc đẩy sự phát triển của nó. Tôi bắt đầu nghiêm túc thành khẩn tìm ý Chúa về việc tôi có nên hay không chia sẻ về chính mình. Nhận thấy đã đến lúc viết tự truyện về bản thân, tôi hy vọng Thiên Chúa Hằng Sống sẽ dùng nó để động viên tinh thần bạn trên hành trình của riêng bạn.

William Carey, người được phong là cha đẻ của Truyền giáo hiện đại cũng từng được hỏi về bí quyết cho ra nhiều hoa trái sau những thập kỷ làm việc truyền đạo có hiệu quả của ông ở Ấn Độ. Carey trả lời: “Tôi có thể cày. Tôi có thể kiên trì trong bất kỳ sự theo đuổi đã định nào. Tất cả là nhờ đó.”

Các tự thuật có xu hướng nhấn mạnh những gì mà phải mất hàng thập kỷ mới có thể mở ra cuộc đời một người, và độc giả có thể sẽ có một ấn tượng thiên lệch rằng ngày nào cũng là thú vị. Song trên thực tế là như William Carey, cuộc đời tôi và phụng sự này chỉ là những tháng ngày “trung thành cày cấy.”

Tôi rất vinh dự được chứng kiến những điều kỳ diệu trên cuộc phiêu lưu của tôi với God, nhưng xin bạn đừng nghĩ dù chỉ trong giây lát rằng tôi đặc biệt hay đã đạt được điều gì đáng được khen thưởng. Chẳng phải là khả năng, kiến thức, bản sự của tôi, mà chính là God. Bất cứ điều gì hữu ích bật ra từ đời tôi là kết quả trực tiếp của Hằng Ân và Khoan Dung của Thiên Chúa, và trong Jesus Christ.

Chúc Jesus nhận mọi vinh quang, vì chỉ mình Ngài là xứng đáng.

CHƯƠNG 1: NGƯỜI ĐÀN ÔNG VỚI MỘT NỬA BỘ NÃO

Tôi trượt vào giấc ngủ say tối hôm 29 tháng 5 năm 2013. Sau khi thức dậy sáng hôm sau tôi thấy chóng mặt và khi cố gắng đứng lên, tôi phát hiện mình không thể đứng hay đi được. Bàn tay trái của tôi lạnh băng. Có chuyện gì đó đang diễn ra.

Vợ tôi, Joy gọi cấp cứu và tôi nhanh chóng được đưa vào bệnh viện gần nhất sau hai giờ rưỡi trên đường. Tôi có thể hình dung Joy và hai con trai của chúng tôi, Dalen và Taine đã lo lắng thế nào. Khi tới viện, tôi được chụp chiếu CT. Sau đó, một bác sĩ vội về thất vọng đến báo tin cho tôi rằng: “Ông Hattaway, ông đã bị đột quỵ khiến liệt nửa người. Tôi rất tiếc phải thông báo với ông rằng nửa bộ não của ông đã chết khiến phần thân bên trái của ông cũng bại liệt.”

Suy nghĩ đầu tiên của tôi khi nhận được chẩn đoán này là: “Đây không phải là vấn đề đối với Jesus! Một trăm phần trăm cả bộ não của Lazarus đã chết rồi, mà Chúa còn làm anh ta trỗi dậy được.” Tôi biết từ góc nhìn y học thì tình hình của tôi tệ thảm, nhưng Jesus làm việc trên mức độ siêu nhiên, và Đức Chúa đã tuyên bố: “Điều gì là không thể đối với con người thì là có thể đối với Thiên Chúa.” (Lu-ca 18:27)

Tôi luôn có khả năng nhìn tới khía cạnh hài hước của mọi tình huống, vì vậy với ngón trở tay phải, tôi ra hiệu bảo bác sĩ lại gần. Khi bác sĩ cúi xuống, tôi nói: “Đừng lo, bác sĩ ạ. Nếu tôi chỉ có một nửa bộ não trái, nó vẫn cho tôi lợi thế hơn nhiều người!”

Dù tôi giữ tính hài hước, những ngày sau tôi vẫn phải đối mặt với sự chết của mình. Jesus đã dạy: “Nếu anh em phải tha thứ cho những ai mắc lỗi với mình, thì Cha trên trời cũng sẽ tha thứ cho anh em.” (Ma-thi-ơ 6:14). Nếu đã tới lúc chết rồi, tôi không muốn xuất hiện trước mắt Đấng Tạo Thành của mình với bất kỳ sự cay đắng hay ghi thù nào trong tim. Tôi lập một danh sách trong đầu những người mà tôi phải tha thứ, và cầu nguyện cho từng người bằng tên của họ.

Khi tôi nằm trên giường bệnh, không thể cử động bên trái của cơ thể. Mọi sự vừa kinh khủng vừa thú vị. Khi tôi nghe ghi âm Kinh Thánh trong đêm tĩnh lặng, đức tin trỗi dậy trong tinh thần tôi. Khi tôi đổ hồn tôi vào Đấng Thiên Chúa Hằng Sống, tôi lớn tiếng rằng: “Tôi tuyên thệ trước Ngài, Thiên Chúa của tôi. Tôi sẽ dâng lên vật tạ ơn Ngài. Bởi Ngài đã đem tôi ra khỏi cái chết và chân tôi ra khỏi sự vấp, để tôi có thể bước đến trước Ngài trong ánh sáng cuộc đời.” (Thi-thiên 56:12-13)

Một sự mặc khải sâu sắc ngập tràn hồn tôi rằng chưa đến lúc tôi chết. Công việc của tôi trên mặt đất vẫn chưa hoàn thành và God còn rất nhiều việc cho tôi làm. Trên giường tôi ca tụng: “Tôi sẽ không chết mà sống, và sẽ công bố điều mà Đức Chúa đã làm” (Thi-thiên 118:17)

Vài ngày đầu sau cơn đột quỵ, tôi chỉ có thể tập trung tinh thần một vài phút rồi lại phải để cho não nghỉ. Mặc dù y bác sĩ sẽ ngăn cản nếu họ phát hiện, một đêm bằng cách nào đó tôi khều được chiếc laptop ra và cả đêm lọc cọc gõ một bức email thư bằng một ngón trở duy nhất. Tôi xin sự cầu nguyện từ những người bạn ở khắp nơi trên thế giới. Một đoạn trong thư tôi viết rằng:

“Đầu tiên và trước nhất, tôi yêu Jesus, và tôi không ngại nói rằng tôi cũng yêu việc phụng sự Ngài. Đức Chúa đã cho tôi định hướng và giá trị cuộc đời. Mọi điều tốt từng phát sinh từ tôi là công việc của Jesus. Tôi hy vọng và cầu mong một sự hồi phục hoàn toàn. Tôi không tin rằng God đã xong việc với tôi rồi, và tôi sẽ biết ơn vô cùng nếu Ngài cho phép thời gian này trôi qua để tôi có thể lại phụng sự Ngài lần nữa. Vẫn còn hơn 5,000 nhóm người không thể với tới ở

Châu Á đang đợi để nghe về kế hoạch của Thiên Chúa. Và tôi chỉ có một đời này để vươn tới họ.

Trong vài ngày, hàng trăm thư hỗ trợ đổ tới. Dường như Đức Chúa đã kêu gọi cả một binh đoàn người cầu nguyện giúp từ khắp các địa chỉ. Chưa bao giờ tôi cảm thấy một may mắn không tài nào diễn tả được trở thành một phần chi thể của Christ trên toàn cầu. Ngay khi mọi người cầu nguyện, tinh thần tôi được hồi sinh trong hừng khởi và chức năng vận động của cơ thể cũng bắt đầu hồi phục. Một người anh ruột của tôi, không phải là Tín hữu Chúa, gọi để nói chuyện với tôi. Sau cuộc hội thoại ngắn, anh nhanh chóng gọi cho vợ tôi tỏ ý lo ngại bởi vì tôi có vẻ quá hạnh phúc trong tình trạng như thế.

Mặc dù tay và chân trái tôi vẫn tê liệt, God đã thực hiện một sự tiến triển nhiệm màu. Mỗi ngày tôi có thể cử động thêm một chút. Khi mới tới viện tôi phải nằm một chỗ trên giường. Vài ngày sau tôi được lên xe lăn, chẳng mấy chốc tôi đã có thể tự lê bước với sự trợ giúp của đôi nạng. Cây nạng bên trái không ích gì nên tôi chẳng dùng tới. Tôi lò dò đi quanh khắp bệnh viện chỉ bằng một cái nạng bên phải, luôn đi gần mấy bức tường để bảo đảm an toàn và để tôi có thể tựa vào mà giữ thăng bằng.

Ít ngày nữa trôi qua và tôi quả quyết rằng một cái nạng cũng hơi vô nghĩa. Nó bị vứt bỏ và tôi bắt đầu tự đi quanh bệnh viện chẳng cần hỗ trợ nào, trước sự ngạc nhiên của các y bác sĩ.

Có lẽ phép màu lớn nhất là trí óc tôi hầu sắc bén như trước. Tôi được chuyển tới một phòng phục hồi chức năng ở một bệnh viện khác, nơi tôi bị dẫn đến gặp bác sĩ tâm lý (psychologist). Ông ấy cho tôi làm hàng loạt các bài kiểm tra toán học và trí nhớ để xem não bộ tôi đã chịu hư hại tới đâu. Ông đọc một câu chuyện phức tạp và yêu cầu tôi lặp lại nhiều nhất có thể những chi tiết quan trọng trong một cảnh. Tôi lặp lại cả câu chuyện chính xác hoàn hảo. Ông tiếp tục kê ra một danh sách các con số mà tôi dễ dàng làm phép cộng và trừ.

Ông bác sĩ không biết rằng số má và tính nhẩm luôn là sở trường của tôi, cứ chập vạt ghi lại những đáp án chính xác của tôi, với tốc độ nhanh chóng, gần như ngay khi câu hỏi vừa nêu. Cuối cùng ông yêu cầu tôi phép tính chia 391 cho 17. Tôi nghĩ vài giây rồi đáp: 23. Một vẻ bối rối xuất hiện trên mặt, bác sĩ đột ngột kết thúc buổi xét nghiệm.

Một buổi chiều tôi tham dự gặp gỡ với một nhóm các bệnh nhân khác cũng bị đột quỵ và chấn thương não. Đó là khi tôi nhận ra tầm mức màu nhiệm mà Thiên Chúa đã thực hiện để đáp lại những lời cầu nguyện nhiệt thành (fervent prayers) của con cái Ngài. Hầu hết các bệnh nhân khác, bao gồm cả những người trẻ tuổi hơn tôi nhiều, đều trong tình trạng tồi tệ (terrible shape). Một số không thể nhấc đầu dậy hay nói năng gì. Một số không thể nhớ tên của chính mình nữa.

Tôi được bảo phải ở lại phòng hồi phục chức năng ít nhất năm đến sáu tuần. Song chỉ hai tuần sau đó tôi đã trở về nhà với gia đình. Không quá 30 ngày kể từ khi tôi vào viện. Dù phía trước vẫn là một chặng dài để hồi phục hoàn toàn, tôi choáng ngợp bởi lòng biết ơn những gì God đã làm, và tin chắc rằng Ngài sẽ tiếp tục làm cho đến chung cuộc.

Lời giải thích duy nhất mà y bác sĩ có thể đưa ra đối với trường hợp của tôi là do tôi đã “rất, rất may mắn.”

Tôi biết rằng may mắn chẳng có liên quan gì đến sự tiến triển nhanh chóng này cả. Điều là bởi quyền năng và tình yêu và gia ơn của Jesus trong cuộc đời này. Đức Chúa đã từng nói với những ai phục vụ Ngài rằng:

“They will be my treasured possession. I will spare them, just as a father has compassion and spares his son who serves him. And you will again see the distinction between the righteous and the wicked, between those who serve God and those who do not.” (Malachi 3:17-18)

Bấy giờ các người sẽ phân biệt giữa người công chính và kẻ gian ác, giữa kẻ hầu việc Thượng Đế và kẻ không hầu việc Ngài.

<https://kinhthanh.httlvn.org/so-sanh-ban-dich/ma/3?vs=VI1934.RVV11.BD2011.NVB.BPT.BDY&v=NIV>

Những tuần theo sau rất khó khăn cho vợ và các con trai tôi. Lúc ấy Dalen 16 tuổi và Taine 12. Dù Thiên Chúa đã trợ giúp nhưng đó là một trải nghiệm khiến tôi phải tự khiêm. Tôi phải luyện tập lại những điều đơn giản nhất như đi vệ sinh, hay là cách thái rau củ sao cho không cắt cả ngón tay mình.

Đầu tư tốt nhất vào phương tiện trợ giúp cho sự phục hồi là một chiếc bàn để chơi bóng bàn. Ban đầu tôi khó mà tương tác nổi dù là vợt cầm hay quả bóng. Nhưng dần dần tay và mắt tôi hoạt động trở lại, cho tới khi tôi hoàn toàn đón được những đường truyền bóng qua lại với tốc độ điên cuồng (furious rate).

Vài tháng trôi qua và tôi cảm thấy một sự mất kết nối kỳ lạ trong tâm hồn mình. Tôi mong mỗi được ở giữa những người mà God đã gọi tôi phục vụ họ. Vì thế trước sự nài nỉ của tôi, cả gia đình đón một chuyến bay. Và lại nhồi nhét trong chiếc xe chật ních 20 người, lên đường tới một ngọn núi nhìn ra Ấn Độ Dương.

Những hành khách trên xe bao gồm hai người phụ nữ Đạo Hồi tới từ Bangladesh, một gia đình người Indonesia từ hòn đảo Sumatra. Những lữ hành khác là người Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, và một cặp đôi tới từ Nepal đang đi tuần trăng mật, một nhà sư Phật Giáo Tây Tạng từ trái tim dãy Himalayas.

Không bác sĩ nào gợi ý sự hồi hải ngược xuôi của Châu Á là nơi lý tưởng cho việc hồi phục sức khỏe sau một cơn đột quỵ lớn. Nhưng nước mắt tôi vui mừng vì hồn tôi lại được thanh thản. Trong đám đông trên xe hôm đó, trái tim tôi chảy tràn lòng biết ơn (gratitude) Jesus, Bác Sĩ Cao Cả, Lương Y Vĩ Đại (Great Physician). Lần đầu tiên sau nhiều tháng, thể xác (body), tâm cảm (heart), và tâm trí (mind) tôi đồng bộ làm một. Tôi trở về nhà nơi tôi thuộc về, giữa những người tôi yêu thương.

CHƯƠNG 2: MỘT SỰ LÃNG PHÍ OXY

Những năm 1960 là một thập kỷ bất an với nhiều rối loạn trên phần đông thế giới. Những cuộc xung đột chủng tộc (race riots) ở nước Mỹ, chiến tranh Việt Nam leo thang, năm 1968 được coi

là năm đẫm máu nhất của cuộc chiến. Trong khi đó, phía sau sân khấu, cả thế giới vẫn nín thở cầu nguyện, mong sao hai cường quốc Soviet và Mỹ đủ kiềm chế để không xóa sạch (obliterate) nhân loại bằng một tràng những quả bom với đám mây hạt nhân hình cây nấm.

Hầu hết những người ở New Zealand, một quốc gia buồn ngủ, thì chỉ thoáng tò mò về những sự kiện thế giới. Cuộc sống ở đó đơn giản. Ở một nước chỉ có 2 triệu dân (inhabitants) nhưng hơn 40 triệu cừu thì len lông cừu (wool) và thịt cừu là hai thứ luôn sẵn có và rẻ bèo. Khi hạ cánh, một phi công người Australia hay đùa thường thông báo với hành khách rằng: “Các quý bà và quý ông, chúng ta đã tới New Zealand. Xin hãy quay ngược đồng hồ của bạn lùi lại 40 năm trước!”

Tháng 10 năm 1968, chín tháng trước khi người đầu tiên lên mặt trăng, ông bà Des và Valda Hattaway bắt taxi tới bệnh viện ở Auckland, thành phố của New Zealand lúc ấy. Valda cứng đầu từ chối một chiếc xe lăn ở cửa bệnh viện và dù khó khăn bà vẫn đi bằng đôi chân mình tới phòng phụ sản. Vài giờ sau bà sinh ra tôi, là Paul - đứa con thứ sáu và cũng là cuối cùng của cha mẹ tôi.

Nhiều năm sau, mẹ tôi người sở hữu tính hài hước vô cùng, nói đùa với tôi rằng: “Khi sinh con ra, cha mẹ nghĩ sẽ đặt tên con là Day.” Tôi bối rối hỏi ý mẹ là gì. Thì mẹ nói: Ồ, khi con vừa chui ra thì chúng ta mệt nhoài cả một ngày rồi. Nên nói: “Thế là một ngày trôi qua.” (Let's call it a day!) Khi tôi đọc tiểu sử của các tín hữu, nhiều tác giả nói gia đình họ có truyền thống ngoan đạo (godly) nên họ được thừa hưởng nền tảng vững chắc đó, và God thường chọn họ vì thế. Song chuyện của tôi thì khác.

Mẹ tôi là hậu duệ người Maori, da nâu. (Maori là bộ lạc thổ dân ở New Zealand rất man rợ khi xưa). Cha tôi là người Châu Âu da trắng (fair-skinned). Trong nhiều thế kỷ tổ tiên người Maori thờ cúng những thần tượng - ngẫu tượng (idols) và sống trong sự câu thúc bó buộc và bạo lực. Khi những người truyền đạo Tin Lành (Protestant) đầu tiên tới New Zealand, họ đã phải đương đầu với những lực lượng hắc ám ở đây. Năm 1865, ở Opotiki, nhà truyền đạo người Đức là Carl Volkner đã bị chặt đầu (decapitated) bởi người Maori bản địa. Sau đó họ móc mắt ông ra mà ăn.

Mẹ tôi tốt nghiệp trung học ở một vùng quê của New Zealand và tới thành phố Wellington tìm việc. Ông bà ngoại tôi rất nghiêm khắc và luôn yêu cầu mẹ tôi phải về thăm nhà mỗi ngày nghỉ lớn. Mẹ tôi đã đặt vé tàu về quê chiều ngày 24 tháng 12 năm 1953, dự định sẽ về tới nhà vào sáng hôm sau để kịp đón Giáng Sinh.

Tuy nhiên vào đêm ngày 23, mẹ tôi ra ngoài cùng mấy cô bạn gái đi uống rượu. Một cuộc chèn say sưa dẫn đến hậu quả mẹ tôi ngủ quên và lỡ chuyến tàu. Sợ hãi về hệ quả của việc này và những lời khiển trách của cha mẹ, song nhanh chóng nỗi sợ đã không còn cần thiết. Bởi một sự kiện kinh hoàng xảy ra.

Sau 10 giờ tối hôm 24, đoàn tàu mà mẹ tôi đã chẳng may bị nhỡ đã tới miền trung cao nguyên North Island, một ngọn núi lửa phun trào khiến tường của miệng núi lửa vỡ ra. Nước lớn đổ xuống từ sườn núi phá hủy cây cầu nối đường ray tàu chạy trong bóng tối. Đầu tàu và sáu toa

hành khách đầu tiên lao thẳng xuống khiến 151 người thiệt mạng. Thảm kịch này còn được biết tới là thảm họa Tangiwai.

Thật bất ngờ cách mà những sự kiện và quyết định của chúng ta có thể kéo theo một phản ứng mang tính dây chuyền, ảnh hưởng cả những thế hệ tương lai. Nếu mẹ tôi không tới buổi tiệc liên hoan đó thì có lẽ bà đã chết trong thảm hỏa đó rồi. Và tôi cũng sẽ không ra đời, ở đây lúc này, và tất cả những sự kiện sẽ ghi trong cuốn sách này cũng không hề diễn ra.

Ở tuổi 13, tôi vào trường học chỉ toàn nam giới. Hầu hết các bạn cùng lớp là con các gia đình bản địa (Polynesian) với thu nhập thấp trên nấc thang xã hội (low on the socio-economic ladder). Con trai của những gia đình nhập cư từ các hòn đảo Thái Bình Dương (Pacific Islands) như Samoa, Tonga, Fiji, rất nhiều bạn cùng lớp đều cao lớn, còn cao hơn cả thầy giáo. Bởi họ có di truyền sức vóc của những người bản địa.

Dù khi đó tôi mới chỉ bắt đầu lơ mơ tìm chân lý, tôi không nghi ngờ gì rằng God tồn tại. Chỉ nhìn mặt trời mọc hay những tia chớp, tôi kết luận rằng thật ngớ ngẩn nếu tin con người là hậu duệ của loài tinh tinh, hay là sự sống bắt đầu từ một mớ tảo dưới đáy biển.

Một hôm trong giờ học, giáo viên yêu cầu chúng tôi viết xuống điều mình muốn làm trong tương lai. Một số muốn trở thành nhà khoa học, một số muốn làm kế toán, một bạn mơ thành một tay trống trong ban nhạc rock. Khi giáo viên nhìn tới đáp án của tôi, cô cười một cách châm biếm nói với cả lớp: “Hattaway không quan tâm cậu ấy làm gì, miễn là (as long as) cậu ấy hạnh phúc!”

Giáo viên còn nói thêm: “Chắc chắn rồi, Hattaway sẽ phải đồng ý rằng hạnh phúc là kết quả của một nghề nghiệp tốt và một mức sống thoải mái đạt tiêu chuẩn (comfortable standard of living).”

“Không!” Tôi đáp. “Hạnh phúc không tới từ những sở hữu vật chất, mà tới từ bên trong. Tôi thà làm một người cọ rửa nhà vệ sinh (toilet) hạnh phúc còn hơn làm một tỷ phú u sầu.”

Trước sự nhắc nhở của giáo viên, cả lớp rộ lên những tràng cười. Những năm sau đó, đôi khi lý thuyết về người cọ toilet này của tôi đứng trước sự thử thách, và tôi phát hiện rằng nó hoàn toàn đúng!

Những năm trung học ngày một khó khăn với tôi. Nó như một nhà tù lớn, tôi chật vật với hầu hết các môn học. Dù cố gắng đến mấy, đầu óc tôi đơn giản là chẳng thể hiểu được giáo viên đang dạy cái gì. Trước khi sự tự tin của tôi hoàn toàn biến mất, tôi đã chán ghét (despise) trường học vì mỗi ngày đều là một cuộc chiến căng thẳng.

Hầu hết các giáo viên cho rằng tôi không có khả năng học tập, hoặc tin rằng sự chậm tiến của tôi là kết quả của một thái độ học tập kém, thiếu ý thức và không quan tâm đến bài học ở lớp và bài tập về nhà. Giáo viên dạy văn nói tôi hỏng rồi, và ném tôi ra khỏi lớp trong hai kỳ học liền. Hàng ngày tôi đá bóng ngoài sân trong khi các bạn đều ngồi trong lớp. Văn học là môn tôi có thể đọc hiểu nhưng tôi thích sáng tạo trong cách viết mà điều ấy thì không được giáo viên chấp nhận.

Những thử thách ở trường không bằng ở nhà. Cha tôi là người thật thà và chăm làm, nhưng cũng như nhiều người khác trong thời của ông, ông tách rời cảm xúc (emotionally detached). Không một lần nào trong trí nhớ tôi mà cha nói với tôi hay các anh chị em tôi rằng ông yêu chúng tôi, và cũng chẳng bao giờ có những cái ôm cả. Những gì tôi nhớ là những đòn roi thường xuyên gay gắt (frequent severe beatings) bằng chiếc thắt lưng của ông.

Mọi thứ cũng ổn cho tới khi sự thay đổi lớn trong gia đình khi tôi bắt đầu lên trung học. Anh trai và chị gái tôi thử dùng ma túy/ chất thức thần/ nầm/ những chất gây ảo giác (drugs). Một cơn sóng triều của những xấu xa ác quỷ cuốn trôi họ. Chị gái tôi hoàn toàn mất kiểm soát và được chẩn đoán mắc chứng rối loạn tâm thần phân liệt (paranoid schizophrenia). Cha mẹ tôi cố gắng hết sức nhưng vô ích với sự tà ác này.

Nhiều lần chị tôi về nhà và nói: “Địa ngục thoát rồi.” Những ngày đó là những tràng cười lớn quái gở của chị. Chị nói chị thường nghe ma quỷ bảo chị làm này làm kia. Một buổi chiều tôi đứng trong bếp nhìn ra sân sau. Cha đang ở trong quỹ gối làm vườn. Chị tôi lao ra từ gara với một cái rìu bổ củi của nhà. Khi chứng kiến chị rón rén định tới làm cho cha giật mình. Ngay sau đó chị tôi chọt giương rìu lên và chuẩn bị tấn công.

Tôi đông cứng trong khoảnh khắc rồi nhanh nhất có thể, tôi mở cửa sổ và hét lên: “Cha! Cẩn thận!” Giật mình vì tiếng hét, cha tôi ngoảnh lại và thấy chị tôi đang chuẩn bị hành hung. Ngay lúc ấy chị quăng cây rìu bay vào đầu ông. Theo bản năng cha dơ tay che đầu và chiếc rìu va vào cẳng tay ông. Cha nhảy tới và vật (wrestle) chị tôi xuống đất. Ngần ngơ như bị ma quỷ thôi miên đến hôn mê, chị tôi ngẫu nhiên đứng dậy và đi vào nhà như không có gì xảy ra.

Một lần khác cha mẹ đi vắng, chị tôi tới phòng tôi và tỏ vẻ rất thân thiện tinh tảo. Chúng tôi chuyện trò như lúc bé. Khi tôi ngã lưng nằm xuống giường, hoàn toàn không đề phòng chuẩn bị gì, chị tôi bất ngờ túm lấy chiếc gối và chồm lên ngực tôi. Dùng hết sức lực bịt chiếc gối khiến tôi ngạt thở mà chết. Tôi bị ghìm xuống và hơi thở sắp dứt trong khi cả phòng ngập tràn tiếng cười tẻ nhạt.

Tôi cố gắng thoát khỏi bằng tất cả sức mạnh nhưng lúc ấy chị tôi như có một mảnh lực siêu nhiên nào đó không gì đẩy nổi. Sau một phút cố gắng vùng vẫy vô ích, trước khi hoàn toàn nổi ao, tôi nảy ra một ý. Nếu tôi giả vờ chết và hoàn toàn ngừng vùng vẫy thì may chăng. Vậy là tôi nằm im như chết. Tưởng thật, chị buông tha và lại bật lên một tràng cười điên dại.

Tôi hồn hển rồi loạng choạng chạy vào nhà tắm và khóa trái cửa. Trong gương cả mặt tôi đã chuyển tím. Nhiều tháng sau đó tôi luôn đi ngủ với một cây gậy sắt cạnh giường và một cái tủ kéo chặn ở cửa phòng. Thất vọng vì đó, một lần chị tôi cầm con dao trong bếp và định trèo qua cửa sổ để tấn công nhưng ơn trời, cửa sổ quá hẹp.

Tới năm thứ ba tôi ở trường trung học thì nhà đã là nơi không thể chịu nổi. Tôi mong mãi một ngày có thể thoát khỏi xiềng xích của cả hai nơi đó. Một buổi sáng hiệu trưởng mời tôi lên gặp mặt. Ông nhìn tôi từ trên xuống dưới rồi nói: “Thái độ của cậu thật tồi tệ, Hattaway, tất cả các giáo viên đều phàn nàn về cậu. Chúng tôi không muốn cậu ở đây thêm nữa!”

Học dốt là một chuyện nhưng bị đuổi học là chuyện khác. Ông hiệu trưởng bình tĩnh trở lại sau cơn tức giận, lạnh lùng nói thêm một câu nữa: “Đời cậu chung quy là sẽ chẳng ra gì đâu. Cậu là một sự lãng phí Oxy.” Như thế, những ngày ở trường học của tôi đột ngột chấm dứt hẳn, khi đó tôi vừa tròn 16 tuổi.

CHƯƠNG 3: LƯỖI CÂU THIÊN CHÚA

New Zealand nơi tôi lớn lên những năm 1970-1980 là đất nước được ban phúc với phong cảnh đẹp, khí hậu trong lành và người dân thân thiện dễ gần. Gia đình tôi không theo đạo. Dù cha tôi có một cuốn kinh thánh mà ông thỉnh thoảng mở ra thoáng qua rồi lại cất đi. Cha mẹ tôi đã chứng minh rằng họ thuộc về thế gian bởi họ chẳng muốn gì mấy chuyện tâm linh. Và tất nhiên là con cái họ cũng vậy. Chúng tôi không bao giờ đi nhà thờ ngày Chủ Nhật hay đi cắm trại với các giáo dân, chẳng dự vào bất kỳ buổi hướng dẫn tinh thần nào.

Lần đầu tiên tôi tới nhà thờ là để làm trò quỷ phá phách (mischief). Một cậu hàng xóm thuyết phục tôi làm đồng phạm, đột kích vào nhà lễ chuyên rửa tội ở địa phương. Chúng tôi thống nhất gặp nhau vào lúc nửa đêm và mặc đồ đen để tránh bị phát giác. Sau khi lén vào qua cửa sổ ở phía sau nhà thờ, cả hai nghịch bậy bằng bình cứu hỏa, xịt bọt trắng khắp tường và ghế trong nhà thờ, rồi ném Kinh Thánh và sách Thánh Ca vào một bể nước rộng chuyên để rửa tội. Hai mươi phút sau, cả hai thấy tàn phá đã đủ rồi thì rời đi theo lối cũ, để lại một đống hổ lốn.

Dù không được dạy dỗ theo đạo, mấy đêm liên lương tâm tôi cắn rứt sâu sa khiến tôi không tài nào ngủ được. Tôi cứ mong Thượng Đế (Almighty) cho xét đánh chết tôi đi vì hành động ác ôn đó trong nhà của Ngài.

Công việc đầu tiên tôi làm sau khi rời khỏi trường học là ở một ngân hàng địa phương, nhờ sự quen biết của cha tôi. Việc của tôi chỉ việc đếm những túi tiền mà người ta mang tới mỗi ngày. Tôi chọn vài việc khác nữa nhưng chẳng việc nào thỏa mãn khao khát trải nghiệm thế giới này. Năm 1985 tôi quyết định rời Auckland, nơi tôi đã sống hơn 16 năm đầu đời, tôi muốn đi càng xa càng tốt.

Tôi tích cóp và xoáy trộm được đủ tiền để mua vé một chiều tới South Island, tới một thị trấn nhỏ gọi là Nelson. Ở đó những ngày dài tìm kiếm việc làm mà chẳng chút cơ hội hay hy vọng lờ mờ nào. Một chủ cửa hàng bảo tôi nên trở lại trường học. Việc thì có đó nhưng chẳng có việc gì cho một cậu nhóc bỏ học cả. Tôi sớm nhận ra rằng thế giới này chẳng nợ tôi một kế sinh nhai.

Tôi săn tìm việc làm trên báo để kiếm sống qua ngày, cuối cùng có được công ăn việc làm lâu dài ở một kho hàng (warehouse) trong chín tháng. Rồi với chiếc xe đạp cũ tôi lên đường xuyên qua hành trình dài 600 dặm (miles) đi dọc South Island. Những ngày cuối của cuộc thám hiểm ấy, tôi tới Milford Sound, nơi có những núi tuyết dựng đứng bên bờ biển và những thác nước khổng lồ đổ xuống vùng vịnh có rất nhiều hải cẩu và cá heo cư ngụ. Tri giác tôi tràn ngập sự hùng vĩ tráng lệ của thiên nhiên. Tối hôm đó tôi bỗng giơ tay lên ôm lấy bầu trời mà nói: “Ngợi ca Thiên Chúa!”

Hành trình đạp xe đó cho tôi thấy sự tồn tại của Chúa nhiều hơn việc nghe cả ngàn bài thuyết giáo dài dòng. Ấy là bài thuyết giáo không lời của Đấng Sáng Tạo. Khi đó tôi không chắc việc con người có thể giao tiếp với God, nhưng nhiều năm sau tôi đọc trong Kinh Thánh rằng: “Từ thủa tạo lập thế giới, những phẩm chất vô hình của God – sức mạnh vĩnh hằng và bản chất thiêng liêng của Ngài – đã được chứng kiến rõ ràng ...” (Romans 1:20)

Nền kinh tế New Zealand leo thang những năm 1980. Nhiều người di cư dọc biển Tasman tới Australia. Tôi nhập vào một cuộc như thế, tới được thành phố lớn Sydney vào tháng 8 năm 1986, một ngày sau khi tôi tròn 18 tuổi. Dù không có quen biết ai và chẳng hình dung ra viễn cảnh sống thế nào, tôi xách tã niềm tin rằng mình có thể làm bất cứ việc gì tâm trí mình đặt trọn. Và rằng bằng cách này hay cách khác (somehow) cuộc sống sẽ tốt đẹp thôi.

Song niềm tự tin ấy chẳng mấy chốc đã lung lay khi tôi chẳng thể tìm được một công việc ổn định nào. Nhiều tháng trời tôi sinh tồn bằng những việc lao động chân tay ngày có ngày không và được trả tiền theo buổi. Sydney là xã hội ‘chó ăn chó’ (dog eat dog) và tôi phải cạnh tranh với hàng triệu người khác cũng như tôi vậy.

Trong 6 tháng tôi làm những việc lật vật (odd jobs) ở bất cứ đâu tìm được. Bao gồm gõ cửa từng nhà chào bán sơn tường, vắn những thùng bia lên xe tải, hái dưa hấu ở nông trang, xếp giá hàng trong siêu thị, và làm đầu bếp trong một quán ăn. Thời gian tồi tệ nhất là giữa năm 1987 khi mọi nỗ lực tìm kiếm việc làm hàng ngày (strenuous search for regular work) đều thất bại. Và quỹ tài chính nghèo nàn của tôi đã hoàn toàn cạn kiệt.

Tôi rơi vào tình trạng tuyệt vọng, thất nghiệp không công ăn việc làm, không tiền, không nơi nào để ở, không gia đình hay bè bạn, là người ngoại quốc (foreigner) tôi không thể xin được trợ cấp nào từ chính phủ. Chẳng có lựa chọn nào khác (no alternative) tôi tới một công viên (public park) và ngồi dưới gốc cây khi hoàng hôn xuống, gió lạnh cay đắng lùa từ biển. Khi đêm tới, tôi tìm một chỗ để ngủ tạm. Có một khu nhà vệ sinh ở gần đó, tôi đi quanh xem xét và nhận ra mình có thể trèo lên mái bằng cách bám vào những đường ống để đu người lên trên. Trên mái nhà, tôi tìm được một góc khuất tầm nhìn của người bên dưới. Tôi mừng rằng đã tìm được nhà, nhà vệ sinh công cộng này sẽ là nơi tôi trú ngụ trong tương lai gần.

Gió lạnh buốt khiến mỗi giây phút trôi qua tưởng như hàng giờ. Tôi co ro trong tư thế bào thai (fetal position) và mặc vào tất cả mọi quần áo sở hữu trên đời. Vài giờ đã qua tôi nửa tỉnh nửa mơ tưởng như mình sẽ chết vì lạnh. Thế là tôi trèo xuống và chui vào phòng vệ sinh hy vọng ấm trở lại.

Mỗi đêm trôi qua, mỗi ngày vật vờ như thế khiến tôi mệt đờ kiệt sức (wracked). Lòng tự tin ban đầu vỡ tan thành nghìn mảnh. Tôi cảm thấy hoàn toàn thất bại, mắc kẹt ở một vùng đất lạ. Tôi phải tìm đường sống sót hoặc sẽ tận số (doom). Những lời của thầy giáo ở trường cứ ám ảnh tôi mãi, có lẽ tôi thực sự là một sự lãng phí oxy.

Hơn một năm sau khi tới Australia, mọi thứ với tôi không thể nào tồi tệ hơn được nữa. Vô gia cư, đói rét, cô độc. Cái lạnh trên mái nhà vệ sinh khiến tôi chịu trận nhiều đêm không ngủ, khi trời ấm lên thì côn trùng thi nhau quấy rầy.

Khi vừa tới Sydney tôi tưởng rằng sẽ dễ dàng tìm được một công việc và kiếm đủ tiền để tiếp tục cuộc hành trình đi xa hơn nữa. Giờ tôi chỉ thấy mình trong sự căng thẳng và tuyệt vọng, cả trí óc và tình cảm đều tối tệ. Một đứa trẻ tuổi teen không thể thấy bất cứ ý nghĩa nào về cuộc đời. Tôi bị bao lấy bởi một màng lưới ngột ngạt thở đe dọa sẽ bẫy tôi mắc kẹt mãi mãi. Ở tuổi 18, tôi đã cảm thấy kiệt sức và tã tơi như một ông già.

Cô đơn là cuộc vật lộn lớn nhất. Tôi hoàn toàn trống rỗng một cách tuyệt vọng. Tôi tin có Thượng Đế nhưng nghĩ sẽ chẳng thể tiếp cận hay biết tới Ngài. God thích giấu mặt và thoát khỏi chuyện của loài người (affairs of mankind).

Khi cùng quẩn nhất, tôi thử nói với God. “Chúa ơi”, tôi lắp bắp: “Là con đây, Paul. Ngài có thể giúp con không? Con đang không ổn lắm và con chẳng biết phải làm gì. Con rất cần một công việc nhưng chẳng việc nào dành cho con cả. Nếu Ngài có đó, có thể làm ơn giúp con không? Cảm ơn Ngài.”

Sáng hôm sau khi tôi trôi xuống khỏi mái nhà, lau đi nước mắt và ngái ngủ, một người đàn ông trông thấy vẻ thảm hại ấy bèn tử tế cho tôi một gói khoai tây chiên. Tôi ăn liền vì đói. Ông ấy bắt chuyện với tôi và sau khi nghe rằng tôi đang thất nghiệp, ông khuyên tôi vài điều: “Anh bạn (mate), nếu anh muốn tìm việc thì cần phải đến nơi có việc chứ. Anh sẽ chẳng tìm được việc gì quanh đây đâu, trung tâm thành phố này không có việc cho người như anh. Hãy đi tới (head out to) khu vực ngoại ô phía tây. Ở đó có đầy (plenty) nhà máy và có thể anh sẽ gặp may đấy.”

Nhận thấy tôi thậm chí còn chẳng biết làm cách nào để tới đó, ông ấy lại đưa tôi những chỉ dẫn kèm theo một tờ tiền 10 đô. Tôi đi bộ tới nhà ga và mua một vé tàu tới vùng ngoại ô Sydney. Sau hơn 1 giờ thì tới nơi gọi là Blacktown. Tôi đi loang quanh các con phố cả ngày trời, chẳng biết phải đi đâu, làm gì. Tôi gõ cửa hàng chục nơi và hỏi họ có cần người làm hay có việc làm nào? Nhưng mỗi nơi đều thẳng thừng nói không một cách vô cảm.

Một trận mưa lớn khiến tôi ướt như chuột lột. Túi của tôi và mọi thứ bên trong cũng ướt sũng, đôi giày úng nước. Để làm dịu cơn đói, tôi dùng vài đồng lẻ từ số tiền 10 đô mà ông lão tốt bụng cho, mua một cái bánh, dù rằng điều đó đồng nghĩa với việc thế là không đủ tiền để mua vé quay lại chỗ cũ nữa. Tôi là người vì hết năng lượng. Tinh thần tôi cũng hoàn toàn gục ngã và nhàu nát.

Khi tôi lê bước trên một con phố, thấy một cơ sở sản xuất vải bạt. Chiều đã muộn, tôi cố một lần cuối hỏi xem. Chưa kịp tới cửa hiệu thì một anh chàng xăm trổ đầy mình vội lướt qua. Anh ta vừa đi vừa chửi có vẻ bức mình lắm. Tôi bước vào với đôi giày úng nước cứ phát ra tiếng lép nhép. Thư ký đưa ra một tờ đơn bảo tôi điền thông tin. Khi đang viết thì người quản lý bước ra và hỏi: “Có phải anh đang cần việc làm không? Lại đây một lát!” Người quản lý hỏi tôi từng có kinh nghiệm gì, tôi cam đoan rằng dù tôi còn trẻ và ít kinh nghiệm, nếu ông ấy cho tôi một cơ hội, tôi sẽ không làm ông ấy thất vọng và sẽ luôn làm việc chăm chỉ.

“Anh bạn may đó!”, ông ấy nói, “Tôi vừa sa thải một cậu năm phút trước. Anh có thể nhận việc của gã nếu anh thích. Có thể bắt đầu ngay ngày mai không?”

“Có chứ thưa ngài, tôi rất vui mừng!”

Vị quản lý tử tế nhìn vào tờ đơn chưa ráo mực và nhận thấy tôi chưa điền số điện thoại và địa chỉ. Ông hỏi: “Anh đang ở đâu?” Khi biết tôi chẳng có chỗ tựa đầu, ông liền cho tôi một tấm séc thanh toán tiền lương trước, rồi lái xe đưa tôi tới một nhà nghỉ bình dân ở gần đó. Đêm đầu tiên sau cả năm trời tôi được tắm nước nóng và ngủ một giấc ngon lành. Tôi kinh ngạc khi nghĩ lại về sự thay đổi đột ngột tình thế (turn-around) từ xấu thành tốt đến vậy, bán tín bán nghi rằng đó là do lời cầu khẩn của mình với God vào đêm hôm trước. Lúc ấy tôi vẫn chưa nhận thức được giá trị của lời cầu nguyện - lời khẩn (prayer) mãi cho tới sau này, rất nhiều chuyện tương tự lặp lại.

Hầu hết những cậu trai ở xưởng sản xuất vải bạt là những tên máu lạnh chẳng có chuyện gì để nói ngoài việc huênh hoang về tửu lượng và khả năng theo đuổi phụ nữ. Tôi không hòa đồng (fit into that crowd) được với họ một chút nào. Tôi chỉ hạnh phúc khi đã có công việc và một nơi để ngủ. Một cậu trai khác biệt với họ, cậu ấy cũng chạc tuổi tôi, Darren tóc vàng gầy nhom. Vì lý do nào đó, người trong xưởng không thích Darren vì thể cậu luôn làm ở một bộ phận (section) riêng biệt, tôi ít có cơ hội tương tác với cậu ấy.

Một chiều thứ sáu, tôi được bảo vắn một cuộn vải bạt lớn tới khu của Darren trong xưởng. Tôi đẩy xe hàng bằng tay tới thì thấy cậu đang đứng ở cửa. Kỳ cục là cậu ấy đang đứng yên (still) và nhắm mắt. Tôi lấy làm lạ nhưng quyết định cứ đợi mà không nói gì cho đến khi cậu ấy thấy tôi. Sau một chốc, cuối cuối cùng Darren cũng mở mắt và thấy tôi đang đứng ngay trước mặt.

“Xin chào, tôi được bảo mang cuộn này đến cho cậu.” tôi nói. Cậu cảm ơn nhưng dường như trong đầu đang rất bận tâm vấn đề gì khác. Không lâu sau đó, khi chúng tôi chuẩn bị được nghỉ cuối tuần, Darren tới bắt chuyện với tôi. Tôi đã ở Australia hơn một năm rồi, nhưng cậu ấy là người đầu tiên tỏ ra thật sự hứng thú kết bạn với tôi.

Sau khi trò chuyện gần một tiếng đồng hồ, Darren bỗng nhiên hỏi: “Cậu có tin vào God không?” Trong khoảnh khắc ấy tôi chẳng biết nói gì nhưng rồi gượng đáp: “Tớ nghĩ là vậy.” (I suppose so.)

Darren lại hỏi: “Cậu có nghĩ rằng nếu cậu chết ngày hôm nay thì sẽ tới ngay Thiên Đàng?” Tôi tự hào trả lời: “Dĩ nhiên! Tớ căn bản là một người tốt mà.”

Khi Darren nói với tôi Jesus là con đường và cách duy nhất để tới Thiên Đàng, tôi không tán thành và chế giễu, giải thích với cậu ấy rằng: Chắc chắn Đạo Phật, Đạo Hồi, và mọi tôn giáo khác cũng có những con đường đúng đắn và có giá trị với những tín đồ của họ. Chỉ là những cái tên gọi khác nhau thôi. Tôi coi đó là sự tự cao (arrogance) khi bất cứ tôn giáo nào khẳng định rằng chỉ họ là Chân Lý, trong khi họ chỉ đang phục vụ cùng một God.

Darren lại hỏi liệu tôi có muốn tới thăm nhà thờ của cậu ấy vào dịp cuối tuần này, tới Chủ Nhật. Mặc dù không thích đi nhà thờ vì lý do nào đó, nhưng thiết nghĩ đời tôi đã quá thiếu tương tác với bạn bè rồi, tôi bèn kiêu căng miễn cưỡng gật đầu: “Ừ thì đi. Nhưng chỉ để cười một cái thôi.” Trước khi tôi kịp thay đổi ý định, Darren viết ngay địa chỉ của tôi và chốt hạ: “Tuyệt! Tớ sẽ tới đón cậu lúc 6 giờ tối Chủ Nhật này nhé!”

Sau đó Darren nói với tôi chuyện về hôm thứ sáu, lúc tôi đứng yên trước mặt cậu ấy. Thì ra Chủ Nhật tuần trước đó, vị mục sư đã yêu cầu các thành viên trong cộng đồng giáo dân phải giới thiệu một người ngoại đạo (unbeliever) tới tham dự buổi lễ hàng tuần. Darren rất rụt rè và nhút nhát nhưng mục sư lôi cậu ấy lên bục cầu nguyện và tất cả khấn cho cậu ấy có được sự dũng cảm để mời một người. Mục sư nói God sẽ tiết lộ cho cậu ấy biết ai là người cậu cần mời.

Chiều thứ sáu rồi mà vẫn chưa mời được ai cả. Darren quyết định nhắm mắt và cầu nguyện, khấn rằng: “Chúa ơi, con xin lỗi. Sắp hết tuần này rồi mà con vẫn chưa mời được ai tới nhà thờ. Làm ơn hãy chỉ cho con ai là người con nên nói chuyện cùng.”

Giây phút đó cậu ấy mở mắt thì thấy tôi đang đứng ngay trước mặt. Thế là, đời tôi sắp thay đổi một cách đáng kể. Tôi như cá đã cắn lưỡi câu của Thiên Chúa (like a fish on God’s hook), và giờ Ngài bắt đầu kéo tôi vào (reel me in).